

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày 03/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vi Văn Thịnh
- Bà Trương Thị Linh

- Thư ký Phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia Phiên tòa: ông Cao Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST- HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vi Văn P; sinh ngày 07/11/1989 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn H (đã chết) và bà Lương Thị S (đã chết); có vợ là Ngân Thị T (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án: Không; tiền sự: 02, ngày 26/5/2020 bị Công an xã Trung Hạ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC, ngày 25/5/2020 bị Công an huyện Quan Sơn xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC; Nhân thân: Tại Bản án số 05/2020/HSST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn xử phạt Vi Văn P 10 tháng tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày 15/7/2020 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2023 đến ngày 09/9/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

* **Bị hại:** Chị Lương Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Bản B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Ngọc Khang - Trợ giúp viên, trợ giúp pháp lý Chi nhánh số 01 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố P, thị trấn M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

+ Vi Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Quách Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Hà Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: Bản X, xã , huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Ngân Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố P, thị trấn M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Hà Thị P, sinh năm 2000; địa chỉ: Bản Q, xã Q, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Hà Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Bản D xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Vi Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Bản X, xã , huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Vi Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Bản X, xã , huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn P sinh năm 1989, ở bản C, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đã ly dị vợ, sau đó có quen và phát sinh tình cảm với chị Lương Thị N sinh năm 1981, ở Bản B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Cả hai cùng đi làm thuê cho các công trình xây dựng tại Hà Nội, ăn ở cùng nhau, tiền công và chi phí sinh hoạt của hai người do N quản lý và sử dụng chung.

Tối ngày 29/8/2023, sau khi cùng ăn cơm tại nhà chị Ngân Thị T (địa chỉ: thị trấn Mường Lát, Thanh Hóa), P có mượn xe máy của chị T và rủ N về nhà mình ở xã Trung Hạ, huyện Quan Sơn chơi. Trên đường đi P và N có phát sinh mâu thuẫn cãi nhau do P nghi ngờ N không chung thủy với mình. Khoảng 02 giờ ngày 30/8/2023 khi về đến xã Trung Hạ, huyện Quan Sơn P đưa N vào nhà anh trai để ngủ. Tại đây, P tiếp tục cãi nhau với chị N và dùng chìa khóa xe máy chọc vào gót chân chị N gây thương tích nhẹ. Đến khoảng 06 giờ sáng, sau khi ngủ dậy P nhớ lại mâu thuẫn, đồng thời phát sinh tâm nhu cầu cần tiền nên khi thấy N đang rửa mặt tại bể nước ở nhà bên cạnh (là nhà anh trai của P), P tiến đến túm tóc chị N kéo ra ngoài đường và dùng tay, chân đánh đập chị N, yêu cầu chị N phải đưa ngay số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) nhưng khi đó chị N không có tiền, P yêu cầu chị N gọi điện thoại cho người thân đem tiền sang,

do không còn điện thoại lưu số anh trai nên chị N xin P gọi sau. Lúc này, P đồng ý và bảo chị N đi cùng đến nhà bố mẹ đẻ của chị Hà Thị P (cùng bản Chiềng Xầy) để ăn sáng. Khi đến nơi ăn sáng thì có gặp chị P và xin được số điện thoại của anh trai chị N tên là Hoàng Văn N do chị P cung cấp. Sau khi P ăn sáng xong và có số điện thoại của anh trai chị N, P tiếp tục kéo chị N ra đường đánh đập bằng tay chân và yêu cầu chị N gọi điện thoại cho anh N đem tiền đưa cho P. Lo sợ bị P đánh đập, chị N đã dùng điện thoại do P đưa để gọi điện cho anh N và nhờ anh N lo hộ số tiền 13.000.000 đồng để đưa cho P (theo yêu cầu của P) và anh N đồng ý, nghe được nội dung này nên P không tiếp tục đánh chị N mà đưa chị N đến nhà Vi Văn C (anh trai P) gần đó chơi, sau đó quay lại nhà anh Vi Văn N và ăn cơm tối cùng gia đình anh N (thời điểm này vợ chồng anh N đã đi làm về); sau khi ăn xong, P đưa chị N đến ngủ tại nhà anh S (anh rể của P) gần đó. Trong đêm, lợi dụng P ngủ say, chị N lấy điện thoại của P và bỏ trốn lên đồi rừng gần đó gọi điện cho anh N hẹn đến đón. Theo lời hẹn, đến ngày 31/8/2023, anh N đi xe máy từ nhà đến xã Trung Hạ, huyện Quan Sơn cầm theo 5.000.000 đồng. Trước khi gặp P, anh N đã gặp chị N và chở chị N đi cùng đến địa điểm đã được thống nhất (qua điện thoại) với P để đưa tiền và điện thoại cho P rồi lấy lại giấy tờ cá nhân và Giấy phép lái xe của chị N mà P đang cầm. Do chị N đã cầm điện thoại của mình nên P đã mượn điện thoại của anh rể là Hà Văn S để liên lạc với N và anh N. Sau khi thống nhất điểm hẹn tại cây xăng (địa chỉ: Bản D xã T, huyện Q), P có rủ Vi Văn H (sinh năm: 1986) và Vi Văn Đ (sinh năm: 1985) cùng cư trú tại: bản X, xã , huyện Q đến quán Kim Soạn đối diện với cây xăng bản Din để uống bia và chờ anh N đến đưa tiền.

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 31/8/2023, anh N và chị N đến cây xăng bản Din và gặp P, hai bên có trao đổi với nhau việc anh N không đem đủ 13.000.000 đồng mà chỉ có lo được 5.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ được chuyển khoản sau. Trong lúc này, anh Đ và H đang uống bia ở quán Kim Soạn (đối diện với cây xăng qua đường Quốc lộ 217) thấy sự việc nên đã đi đến chỗ P và anh N đang nói chuyện, đúng lúc anh N đưa 5.000.000 đồng cho P. Sau khi nhận tiền từ anh N, P đưa luôn cho anh H cầm và đếm hộ. Đúng thời điểm này thì tổ công tác của Công an huyện Quan Sơn phát hiện và tiến hành làm việc với những người có mặt tại đây; xác định có dấu hiệu tội phạm nên đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vi Văn P.

Biên bản xem xét dấu vết thân thể hồi 19 giờ 15 phút, ngày 31/8/2023 tại Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn đối với chị Lương Thị N, thể hiện: *Tại mặt trước cổ trước, vùng yết hầu có dấu vết trầy xước da tấy đỏ kích thước 1,5cm x 4cm; Tại vùng bụng trên, trái rốn 2cm có một vết thương tím dạng tròn đường kính 01cm; Tại mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay phải có vết bầm tím tấy đỏ không rõ hình, kích thước 6cm x 7cm; Tại vùng lưng phải có vết thương tím da không rõ hình, kích thước 6cm x 8cm, vết cách xương sống lưng về bên phải 3cm, dưới xương bả vai 6cm; Tại vùng mắt cá trong chân phải có vết sưng nề, tấy đỏ trong diện, kích thước 9cm x 7cm; Tại mặt cổ sau chân phải có vết rách da, tổ chức dưới da kích thước 01cm x 0,5cm.*

Các dấu vết trên, Lương Thị N khai nhận là do bị Vi Văn P đánh gây nên.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1650/KLTTCT-PYTH ngày 21/9/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, kết luận: *tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lương Thị N tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm).*

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã thu giữ các vật chứng liên quan đến vụ án, gồm:

Số tiền P chiếm đoạt được từ anh Hoàng Văn N là 5.000.000đ, Công an huyện Quan Sơn đã trả lại cho anh N. Sau khi nhận lại số tiền trên, anh N không có yêu cầu, đề nghị gì.

Về phần dân sự: Bị hại là chị Lương Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phần dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSQS, ngày 23/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Vi Văn P về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung N 2017). Tại Phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia Phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- * Tuyên bố bị cáo Vi Văn P phạm tội “Cướp tài sản”.
- * Về trách nhiệm hình sự đề nghị:
 - Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Vi Văn P mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.
- * Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.
- * Về dân sự: Đề nghị không xem xét.
- * Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất với ý kiến của Đại diện VKS về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Vi Văn P mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại Phiên tòa, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, HĐXX xét thấy bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có đơn xin

xét xử vắng mặt. Lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội: Lời khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 06 giờ ngày 30/8/2023, tại bản C, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Vi Văn P đã túm tóc, dùng tay, chân đánh đập chị N, yêu cầu chị N phải đưa ngay số tiền 13.000.000đ nhưng khi đó chị N không có tiền nên khóc lóc và xin P được gọi cho người thân. Sau đó, P chở chị N đến nhà Hà Thị P, tại đây P xin được số điện thoại của anh N để yêu cầu anh N mang tiền đưa cho P thì P mới cho chị N về nhà. P liên tục thúc giục chị N gọi điện thoại cho anh N để mang tiền đưa cho P. P tiếp tục đưa chị N về nhà anh trai P ăn cơm, ngủ lại tối tại nhà anh rể P là Hà Văn S. Sáng ngày 31/8/2023 khi tỉnh dậy không thấy chị N và điện thoại của mình đâu, P mượn điện thoại anh S để gọi vào số điện thoại của mình thì N nghe máy và hẹn đến lấy tiền tại cây xăng ở khu vực Km 21. Vào khoảng 16 giờ 10 phút ngày 31/8/2023 khi P đang nhận tiền từ chị N và anh N với số tiền 5.000.000đ thì bị tổ công tác phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vi Văn P.

Hành vi dùng vũ lực là tay, chân, đánh đập liên tục của P làm dè bẹp ý chí phản kháng của chị Lương Thị N nhằm chiếm đoạt số 13.000.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 BLHS. Thời điểm P nhận số tiền 5.000.000đ và bị bắt quả tang thể hiện mục đích chiếm đoạt tài sản của P đã hoàn thành. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, HĐXX thấy rằng: Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu lao động để nuôi sống bản thân và gia đình mà thích ăn chơi trên mồ hôi, công sức của người khác nên đã dùng vũ lực với người khác để chiếm đoạt tài sản của họ nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe, tính mạng của chị N mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nhanh chóng kịp thời để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS: Bị cáo có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo đã từng bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích”, có hai tiền sự đều về hành vi gây thương tích cho người khác, nay lại có hành vi vi phạm pháp luật thể hiện sự coi thường pháp luật, không tu dưỡng rèn luyện.

Hành vi của bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công việc, thu nhập không ổn định, là người dân tộc thiểu số. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8]. Về phần dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu Tòa án xem xét phần dân sự nên miễn xét.

[9]. Về các tình tiết liên quan đến vụ án: Đối với Vi Văn H và Vi Văn Đ là những người đi cùng trông thấy Vi Văn P nhận tiền từ chị N và anh N. Cơ quan CSĐT đã xác định: tại thời điểm P nhận tiền, H và Đ đi cùng nhưng không biết anh N và chị N; sau khi nhận tiền thì P đưa cho H cầm giúp và cũng không nói rõ nguồn gốc số tiền nên không có yếu tố đồng phạm của H, Đồng về tội “Cướp tài sản” với Vi Văn P.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn P phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn P 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/8/2023.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Vi Văn P phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn;
- Cơ quan THAHS CA huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Xuân Tùng